TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19 /6 /2025
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- T1phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Kiên; Ông Lê Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T - sinh ngày 20/8/1989

Số CCCD: 038189xxxxxx

Địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh T.

Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T1- sinh ngày 12/5/1985

Số CCCD: 038085xxxxxx

Địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2024, bản tự khai ngày 24/01/2025 và quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh T vào ngày 15/11/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn. Từ tháng 6/2023 đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là: Nguyễn Việt C, sinh ngày 26/8/2011 (giới tính: nam) và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 22/3/2017 (giới tính: Nữ). Từ tháng 6/2023 khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả hai con đều ở cùng với chị T, do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cuộc sống của các con đang ổn định, các con phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Anh T1 đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà. Để không làm xáo trộn cuộc sống của các con cũng như để san sẻ gánh nặng cho nhau nên khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu anh T1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho cả 02 người con, mỗi người con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 6/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng, hàng tháng anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh Nguyễn Văn T1.

Biên bản xác minh ngày 17/02/2025 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh T nơi anh T1 và chị T cư trú chính quyền địa phương cho biết: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh T vào ngày 15/11/2010.

Sau khi kết hôn chị T về nhà anh T1 sinh sống cùng với anh T1 và bố, mẹ chồng. Hiện nay anh T1 đi làm ăn xa, nhưng vẫn thường xuyên về nhà, chị T vẫn đang sinh sống cùng mẹ chồng và các con tại nhà mẹ đẻ anh T1 ở thôn Q, xã V. Chính quyền địa phương cũng không nắm được nguyên nhân vợ chồng chị T, anh T1 mâu thuẫn là gì. Vợ chồng chị T, anh T1 có 02 con chung tên là: Nguyễn Việt C, sinh ngày 26/8/2011 (giới tính: nam) và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 22/3/2017 (giới tính: Nữ). Hiện nay cả hai cháu vẫn đang sinh sống cùng bố, mẹ và bà nội. Cháu C đang học lớp 8 trường THCS V, cháu Quỳnh A đang học lớp 2 trường tiểu học V. Cả hai ngôi trường đều đóng trên địa bàn xã V.Về điều kiện kinh tế: chị T làm công nhân công ty may đóng trên địa bàn huyện Vĩnh Lộc nên công việc và thu nhập ổn định, nhưng mức thu nhập cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Anh T1 làm nghề tự do, đi làm xa nhưng vẫn thường xuyên về địa phương, anh T1 làm công việc gì, thu nhập như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Anh T1, chị T không có nhà đất tại xã V. Về đạo đức, lối sống: Quá trình sinh sống tại địa phương xã V, chị T và anh T1 có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Qúa trình giải quyết vụ án, chị Trịnh Thị T cung cấp 03 bảng lương để chứng minh điều kiện về kinh tế, thu nhập bình quân của mình, chị T được hơn 8.00.000đồng/tháng.

Tại phiên tòa chị Trịnh Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị T, xử cho chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

Giao cả 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh ngày 26/8/2011 (giới tính: nam) và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 22/3/2017 (giới tính: Nữ) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cùng chị T mỗi tháng là 4.000.000 cho cả hai con, mỗi người con là 2.000.000đồng/tháng. Thời

điểm cấp dưỡng tiền nuôi con chung tính từ tháng 6/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

-Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trịnh Thị T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Nguyễn Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Nguyễn Văn T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh Nguyễn Văn T1 cố tình trốn trách nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T1 là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh T vào ngày 15/11/2010. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ tháng 6/2023, vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị Trịnh Thị T xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn anh T1. Quá trình giải quyết vụ án anh T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh T1 không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có 02 con chung tên là Nguyễn Việt C, sinh ngày 26/8/2011 (giới tính: nam) và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 22/3/2017 (giới tính: Nữ). Khi ly hôn chị T có yêu cầu là giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của các con cũng muốn được ở cùng với mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T yêu cầu anh T1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 4.000.000 cho cả hai con, mỗi người con là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án không thu thập được nguyện vọng của anh T1. Tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho các con, thấy rằng:

Chị T có công việc ổn định, làm việc gần nhà, các con đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các con phát triển bình thường về thể lực và trí lực, cuộc sống sinh hoạt và học tập của các con đang ổn định. Anh T1, không xuất trình chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con, anh T1 làm nghề tự do, đi làm ăn xa nhà. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các con về mọi mặt, theo nguyện vọng của các con. Do đó, giao cả hai con là Nguyễn Việt C và Nguyễn Quỳnh A cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T: Tuy không xác định được công việc và thu nhập của anh T1, nhưng trách nhiệm nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ nên anh T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con khi không trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và cháu A. Việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là phù hợp với nhu cầu ăn mặc, nuôi dưỡng, học hành, sinh hoạt của các con hiện tại và sau này. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho cả hai con, mỗi người con là 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi con từ tháng 6/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 82, điều 107, điều 110, điều 116 và điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Văn T 1được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm anh thực hiện quyền này và anh có quyền làm đơn

xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định tại điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trịnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn T1 phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271**,** khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. *Về con chung*:

2.1 Giao cả hai con chung là Nguyễn Việt C, sinh ngày 26/8/2011 (giới tính: nam) và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 22/3/2017 (giới tính: Nữ) cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho cả hai con, mỗi người con là 2.000.000 đồng /tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi con chung tính từ tháng 6 năm 2025. Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng anh T1 phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

2.3. Anh Nguyễn Văn T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, ngăn cấm anh thực hiện quyền này và anh T1 có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Chị Trịnh Thị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006209 ngày 15/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (Chị T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị Trịnh Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Giang